

Số: /BC-LNKL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về bổ sung Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện các thông tư định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm¹, như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

Trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đang được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo động lực phát triển đất nước nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả. Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo, bất cập, cản trở sự phát triển; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

¹ Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng, Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT ngày 04/9/2024 quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng, Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp, Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT ngày 12/9/2025 quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng (các Thông tư trên đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005, Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN ngày 28/3/2006, Quyết định số 400/LĐ-QĐ ngày 26/4/1982 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp ban hành tạm thời mức lao động khai thác lâm sản

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng tăng cường tính linh hoạt, giao các cơ quan quản lý nhà nước chủ động quy định các nội dung chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với thực tiễn quản lý. Kết luận số 221-KL/TW ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục yêu cầu các bộ, ngành rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với yêu cầu phát triển và mô hình tổ chức chính quyền địa phương mới.

Thực hiện chủ trương nêu trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 về tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 2093/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 10/4/2026, Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 05/QĐ-BCĐ về Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, yêu cầu các bộ, ngành tổ chức rà soát toàn diện hệ thống văn bản thuộc phạm vi quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Đối với lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành được xây dựng qua nhiều giai đoạn, một số văn bản đã ban hành cách đây hơn 20 năm (Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN, Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN), trong khi yêu cầu quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ số, viễn thám, UAV, GIS và biến động về đơn giá nhân công, vật tư, thiết bị đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế để bảo đảm tính khả thi và hiệu lực, hiệu quả thi hành.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thi hành các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, phân định ranh giới rừng, các biện pháp lâm sinh, giao rừng, cho thuê rừng, sản xuất giống cây lâm nghiệp, thiết kế khai thác rừng. Kết quả rà soát bước đầu cho thấy hệ thống định mức hiện hành đã góp phần tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho công tác lập dự toán, quản lý chi phí; tuy nhiên một số quy định đã phát sinh khó khăn, vướng mắc, một số định mức không còn phù hợp với điều kiện thực tế, cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện và hợp nhất.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 4954/BNNMT-LNKL ngày 18/5/2026, đề nghị các địa phương đã tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các thông tư quy định về định mức

kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các thông tư này.

Tính đến thời điểm báo cáo, đã có 26/34 địa phương gửi báo cáo tổng kết. Các báo cáo cơ bản được xây dựng nghiêm túc, bám sát đề cương hướng dẫn, nội dung thể hiện cơ bản đầy đủ tình hình áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm tại địa phương.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đã tổ chức rà soát các quy định hiện hành về định mức kinh tế - kỹ thuật, đối chiếu với điều kiện thực tế áp dụng công nghệ và biến động giá nhân công, vật tư, thiết bị; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thi hành của từng nhóm quy định, làm cơ sở thực tiễn quan trọng để xây dựng Thông tư mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành

Theo báo cáo của 26 địa phương, công tác tổ chức thi hành các quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm, chủ rừng tổ chức áp dụng các định mức hiện hành làm cơ sở lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và quản lý chi phí thực hiện các nhiệm vụ điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, phân định ranh giới rừng, các biện pháp lâm sinh, giao rừng, cho thuê rừng, sản xuất giống cây lâm nghiệp và thiết kế khai thác rừng.

Một số địa phương đã chủ động tham mưu ban hành quyết định quy định cụ thể về hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo định mức khung của Bộ. Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 quy định hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện dự án, nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh; tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Nghệ An đang giao cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng quy định tương ứng.

Công tác kiểm tra, giám sát việc áp dụng định mức trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán được duy trì thường xuyên, qua đó kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn để tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung. Nhìn chung, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm đã tạo cơ sở pháp lý, kỹ thuật tương đối thống nhất từ Trung ương đến địa phương cho công tác lập dự toán, quản lý chi phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành.

2. Kết quả thi hành, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

2.1. Về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng và phân định ranh giới rừng (Thông tư số 05/2024/TT-

BNNPTNT, Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT, Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT)

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

Các định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng và phân định ranh giới rừng đã được các địa phương áp dụng làm cơ sở lập dự toán, quản lý chi phí thực hiện, góp phần chuẩn hóa quy trình tổ chức nhiệm vụ chuyên môn trên phạm vi cả nước.

(1) Tại Trung ương

Đã áp dụng để (i) xây dựng dự toán triển khai điều tra rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên (Bộ phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-BNN-KL ngày 27/6/2024 và điều chỉnh tại Quyết định số 4757/QĐ-BNN-KL ngày 25/12/2024), (ii) xây dựng dự toán nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng quốc gia phục vụ công tác quản lý rừng bền vững” (Bộ phê duyệt tại Quyết định số 3208/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2025); (iii) xây dựng dự toán duy trì hệ thống theo dõi diễn biến rừng toàn quốc nhưng chưa được bố trí kinh phí để thực hiện).

(2) Tại địa phương

- Về điều tra rừng: Các địa phương đang áp dụng định mức để thực hiện nhiệm vụ điều tra rừng tại địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 06/02/2024 và các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 2338/BNN-KL ngày 01/4/2024, số 3901/BNN-KL ngày 31/5/2024, số 6090/BNN-KL ngày 16/8/2024).

- Về kiểm kê rừng: Các tỉnh vùng Tây Nguyên đang áp dụng định mức để thực hiện nhiệm vụ kiểm kê rừng tại địa phương theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 226/TB-VPCP.

- Về theo dõi diễn biến rừng: Các tỉnh áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng để xây dựng nhiệm vụ tại địa phương

b) Bất cập, hạn chế:

Nhiều địa phương (Đà Nẵng, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Huế, Thanh Hóa, Hà Tĩnh) kiến nghị các định mức xây dựng theo mức bình quân chung chưa phù hợp với địa bàn miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, vùng sâu, vùng xa, dẫn đến chi phí thực tế phát sinh cao hơn định mức được duyệt.

Mức chi phí máy móc, thiết bị điều tra rừng (P9) không chế không quá 5% chi phí công lao động tại Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT (sửa đổi tại Điều 18 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT) chưa phù hợp với yêu cầu ứng dụng công nghệ hiện đại (GPS độ chính xác cao, UAV, GIS, ảnh viễn thám) trong điều tra, kiểm kê rừng (Lào Cai, Đồng Nai, Nghệ An).

Đối với Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng, một số địa phương kiến nghị: quy định đầy đủ về chuẩn hóa dữ liệu bản đồ lâm nghiệp, thống nhất hệ tọa độ, chuẩn dữ liệu GIS và cơ chế đối soát dữ liệu giữa kết quả kiểm kê rừng và kiểm kê đất đai (Đồng Nai); hướng dẫn cụ thể việc áp dụng định mức đối với các nội dung rà soát, đối chiếu, xác minh, thống nhất ranh giới giữa hồ sơ quản lý rừng, hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và quy hoạch lâm nghiệp trong quá trình phân định ranh giới rừng (Nghệ An); kinh phí rà soát, sửa chữa mốc theo Thông tư 23/2024 còn thiếu (Lào Cai). Tuy nhiên, các nội dung kiến nghị của địa phương đã có quy định.

2.2. Về định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp (Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT)

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT đã tạo cơ sở pháp lý, kỹ thuật cho việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán các biện pháp lâm sinh và công tác tuần tra, bảo vệ rừng trên phạm vi cả nước, khắc phục tình trạng áp dụng định mức không thống nhất giữa các địa phương. Tỉnh Lâm Đồng đánh giá quy định đã góp phần khắc phục tình trạng “cào bằng” trước đây đối với khu vực núi cao, địa hình chia cắt mạnh.

b) Bất cập, hạn chế:

Hệ số điều chỉnh nhóm thực bì phát dọn (Kt) có sự chênh lệch lớn (từ 1,00 đến 2,03) trong khi mức độ khó khăn thực tế thi công giữa các nhóm thực bì không có sự khác biệt tương ứng, dẫn đến định mức lao động chưa phù hợp với khối lượng công việc thực tế (Lạng Sơn, Huế).

Định mức lao động đối với công tác phát luồng dây leo, cây bụi trong khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên (khoảng 12,30 công/ha) chưa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật thực tế (Lạng Sơn, Huế); Bảng 3 Phụ lục I Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT về khoanh nuôi có trồng bổ sung chỉ quy định 01 mục công việc cho năm thứ 2, thứ 3 trong khi quy định kỹ thuật tại Điều 7 Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT yêu cầu chăm sóc ít nhất 02 lần/năm, dễ dẫn đến tính thiếu kinh phí cho lần chăm sóc thứ hai (Nghệ An).

Quy định định mức cây trồng dặm năm đầu (10%) tại điểm c khoản 1 Điều 6 chưa thống nhất với quy định về tỷ lệ trồng dặm khi cây sống đạt từ 50% đến dưới 85% tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi tại Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT), gây khó khăn cho việc lập dự toán, bố trí kinh phí trồng dặm (Điện Biên).

Thông tư chưa có định mức, đơn giá riêng cho công tác phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại rừng (Bắc Ninh); chưa quy định hệ số lương, cấp bậc công việc cho công tác tuần tra bảo vệ rừng để làm cơ sở tính toán chi phí cho công việc tuần tra bảo vệ rừng, chưa bổ sung đầy đủ các chỉ tiêu mô tả trạng thái thực bì (chiều cao, tỷ lệ che phủ) làm cơ sở phân loại nhóm thực bì phát dọn (Lạng Sơn, Tuyên Quang, Huế); chưa có định mức riêng cho trồng rừng trên đất ngập phèn

(Đồng Tháp) và chưa có định mức cho các hoạt động ứng dụng ảnh viễn thám, UAV, GIS, phần mềm xử lý ảnh, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu lâm nghiệp số (Vĩnh Long, Lạng Sơn, Đồng Nai).

Quảng Ngãi kiến nghị chưa có phương pháp nội suy đối với các định mức chưa được quy định trong Thông tư trong trường hợp Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) đã có quy định nhưng Thông tư chưa có định mức tương ứng và chưa có hệ số điều chỉnh định mức lao động tuần tra, bảo vệ rừng đối với khu vực có độ dốc trên 25⁰, bị chia cắt bởi sông suối lớn.

2.3. Về định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng (Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT)

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT đã tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật thống nhất cho công tác giao rừng, cho thuê rừng. Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND quy định hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí cụ thể trên địa bàn; Thành phố Huế đánh giá Thông tư đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả, tạo cơ sở cho Đề án giao đất, giao rừng giai đoạn 2026-2027.

b) Bất cập, hạn chế:

Hệ số khó khăn K5 hiện chỉ chia thành 03 mức, chưa phù hợp với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới có mức độ khó khăn đa dạng hơn (Đồng Nai); cần tăng hệ số định mức lao động ngoại nghiệp (điều tra bổ sung ranh giới, lập ô tiêu chuẩn) đối với khu vực địa hình cấp III, IV dốc đứng (Lào Cai).

Quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức cụ thể chưa thống nhất với Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT, Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT và chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP về thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Ninh Bình).

Chưa có quy định áp dụng định mức cho công nghệ số, thiết bị hiện đại và cơ giới hóa trong hoạt động giao rừng, cho thuê rừng (Đồng Nai).

2.4. Về định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống cây lâm nghiệp (Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN)

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc lập dự toán, quản lý chi phí và tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp phục vụ trồng rừng trong thời gian dài. Việc ban hành hệ thống định mức đã góp phần chuẩn hóa quy trình kỹ thuật, xác định nhu cầu về lao động, vật

tư và thiết bị làm căn cứ xây dựng đơn giá, quản lý vốn đầu tư, thanh quyết toán các chương trình, dự án lâm nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện trên phạm vi cả nước.

b) Bất cập, hạn chế:

Các định mức tại Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN được ban hành cách đây hơn 20 năm, đến nay có nhiều nội dung không còn phù hợp với điều kiện sản xuất, và trình độ công nghệ hiện nay; chưa cập nhật việc ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa và các tiến bộ kỹ thuật như nuôi cấy mô, sản xuất cây hom, hệ thống tưới tự động, vật tư mới (bầu tự hủy, khay nhựa thông minh, phân bón tan chậm, chế phẩm sinh học). Phần 6 Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN chưa ban hành định mức vật tư kỹ thuật đối với một số loài cây lâm nghiệp chính đang được sản xuất, sử dụng phổ biến như Sa mộc, Giổi xanh, Vối thuốc, Mắc ca... Ngoài ra, Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN còn dẫn chiếu các quyết định của Bộ Xây dựng từ năm 1998 đã hết hiệu lực để xác định đơn giá vận chuyển vật liệu (Đà Nẵng).

Đồng thời, một số định mức mới chỉ áp dụng đối với một số nhóm loài cây, chưa đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa cơ cấu giống cây lâm nghiệp hiện nay, gây khó khăn cho việc lập dự toán, quản lý chi phí và tổ chức thực hiện.

2.5. Về định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác rừng (Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN, Quyết định số 400/LĐ-QĐ)

a) Kết quả đạt được và ưu điểm:

Quyết định số 400/LĐ-QĐ: xây dựng hệ thống định mức tương đối toàn diện và đồng bộ; cụ thể hóa điều kiện sản xuất và lao động; có cơ chế điều chỉnh linh hoạt; gắn kết chặt chẽ với cơ chế tiền lương và kế hoạch sản xuất; hướng dẫn sử dụng rõ ràng, có tính thực tiễn cao; áp dụng phương pháp định mức lao động khoa học.

Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN: cơ sở pháp lý rõ ràng, phù hợp hệ thống quản lý nhà nước; góp phần chuẩn hóa định mức lao động trong ngành lâm nghiệp; tăng cường tính minh bạch và quản lý trong hoạt động khai thác rừng; phân định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện; linh hoạt thông qua cơ chế “áp dụng tạm thời”.

b) Bất cập, hạn chế:

Quyết định số 400/LĐ-QĐ: hệ thống định mức quá phức tạp, khó áp dụng; phụ thuộc nhiều vào việc xác định điều kiện sản xuất; công nghệ và phương tiện lao động lạc hậu; chưa đáp ứng yêu cầu về an toàn lao động và bảo vệ môi trường; không phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường; chưa phù hợp đầy đủ đặc thù vùng miền; tính “tạm thời” nhưng chưa được cập nhật kịp thời và khó tích hợp với các hệ thống quản lý hiện đại.

Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN: chưa phù hợp của từng loại rừng, điều kiện lập đại cụ thể; thiếu hướng dẫn chi tiết về phương pháp áp dụng; chưa gắn với cơ

chế tiền lương và thị trường lao động; phạm vi điều chỉnh còn hẹp; chưa tích hợp yếu tố công nghệ và chuyển đổi số; khó khăn trong tổ chức thực hiện.

2.6. Về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng

Qua tổng hợp báo cáo cho thấy hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành chưa có quy định riêng đối với các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT, đặc biệt là hoạt động làm đường bằng cản lửa và giảm vật liệu cháy rừng; Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT chỉ lồng ghép một số nội dung liên quan (phát dọn thực bì, làm đường bằng trắng cản lửa thủ công) mà chưa quy định riêng cho rừng tự nhiên và rừng trồng theo cấp dự báo cháy. Đồng Nai, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Đồng Tháp kiến nghị chưa có hướng dẫn thống nhất về xác định cấp bậc công việc làm căn cứ tính đơn giá nhân công cho các hoạt động giảm vật liệu cháy rừng theo khoản 6 Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT, dẫn đến khó khăn trong lập dự toán, thẩm định, tổ chức thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc:

Tổng hợp báo cáo của các địa phương và kết quả rà soát việc tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, quá trình triển khai các định mức còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, tập trung ở các nhóm nội dung sau:

- Định mức KTKT về khai thác rừng (Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN và 20/2006/QĐ-BNN) được ban hành lâu, không còn phù hợp điều kiện thực tiễn hiện nay;

- Một số công việc của các định mức KTKT còn chưa thống nhất với nhau, chưa phù hợp như:

- + Quy định định mức cây trồng dặm năm đầu là 10% tại Điều 6 Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT chưa phù hợp với quy định về nghiệm thu (tỷ lệ cây sống đạt 50% dưới 85% thì trồng dặm cho đủ mật độ thiết kế) tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT được sửa đổi tại Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT;

- + Hệ số điều chỉnh nhóm thực bì phát dọn (Kt) có sự chênh lệch lớn (từ 1,00 đến 2,03) trong khi mức độ khó khăn thực tế trong thi công giữa các nhóm thực bì không có sự khác biệt tương ứng, dẫn đến định mức lao động chưa đầy đủ khối lượng công việc thực tế (Lạng Sơn); hệ số điều chỉnh cự ly đi làm hiện chỉ chia thành ba nhóm (dưới 01 km, từ 01 đến 02 km và trên 02 km) chưa đúng mức độ khó khăn thực tế tại nhiều khu vực miền núi, miền Trung nơi người lao động phải đi bộ từ 04 km đến 06 km mới tiếp cận được hiện trường thi công (Lạng Sơn, Hà Tĩnh);

- + Chi phí máy móc, thiết bị điều tra rừng (không quá 5% chi phí công lao động) tại Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT chưa phù hợp với chi phí thực tế

khi ứng dụng công nghệ mới (UAV, GIS, ảnh viễn thám), nơi có địa hình phức tạp, vùng sâu, vùng xa;

+ Có định mức không còn phù hợp với thực tế (giá nhân công, giá vật tư và việc ứng dụng công nghệ hiện đại như máy định vị GPS, máy đo khoảng cách laser, ảnh vệ tinh, GIS;...trong điều tra, thiết kế khai thác rừng, gây khó khăn lớn trong đấu thầu, thuê mướn nhân công tại địa phương; chưa quy định cụ thể hệ số lương đối với từng nội dung công việc điều tra, kiểm kê rừng mà chỉ quy định khoảng hệ số lương (ví dụ hệ số lương xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê rừng cấp tỉnh từ 3,99 - 4,98), chưa có hướng dẫn xác định hệ số lương cụ thể, dẫn tới khó khăn trong xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện các dự án điều tra, kiểm kê rừng; chưa có hướng dẫn việc xác định các bước công việc, định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện biện pháp làm giảm vật liệu cháy trong rừng theo khoản 6 Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT (Lâm Đồng).

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm hiện nay được quy định tại nhiều thông tư, cần thiết tích hợp thành 01 thông tư thống nhất để thuận lợi cho việc tra cứu, áp dụng.

3.2. Nguyên nhân của các tồn tại, bất cập:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Diện tích rừng lớn, phân bố trên địa bàn rộng, nhiều khu vực thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa hình chia cắt mạnh, giao thông khó khăn làm gia tăng chi phí thực hiện các hoạt động điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, các biện pháp lâm sinh, giao rừng, cho thuê rừng so với các định mức được xây dựng trong điều kiện thông thường.

- Khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất và quản lý tài nguyên rừng phát triển nhanh (ứng dụng UAV, GIS, viễn thám, công nghệ số) trong khi hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trước đây chưa kịp cập nhật, dẫn đến thiếu cơ sở để xác định chi phí khi áp dụng công nghệ mới vào thực tiễn.

- Đơn giá nhân công, vật tư, nhiên liệu trên thị trường biến động liên tục theo thời gian, trong khi một số định mức (đặc biệt là Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN, Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN) được xây dựng cách đây hơn 20 năm, chưa được sửa đổi, cập nhật kịp thời.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành chưa theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ và biến động của thị trường lao động, vật tư, thiết bị. Nhiều định mức được ban hành từ lâu nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Một số quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng và ban hành tại các thời điểm khác nhau, thuộc nhiều thông tư, quyết định riêng lẻ, chưa có sự rà soát, đối chiếu đồng bộ giữa các văn bản, dẫn đến phát sinh sự không thống nhất về thẩm quyền, mức tối đa và phạm vi áp dụng.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Qua quá trình triển khai thực hiện các quy định hiện hành và tổng hợp ý kiến của các địa phương cho thấy, bên cạnh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, đã xuất hiện nhiều yêu cầu quản lý mới cần được nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện trong hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

a) Hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên rừng:

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và thiết bị bay không người lái (UAV) trong điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, phân định ranh giới rừng và quản lý tài nguyên rừng đang trở thành xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành chưa có quy định đầy đủ về định mức nhân công vận hành UAV/flycam, thời gian bay, xử lý ảnh viễn thám, tích hợp GIS, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu lâm nghiệp số. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu nghiên cứu, bổ sung các định mức kinh tế - kỹ thuật mới tương ứng với việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong toàn bộ các nhiệm vụ chuyên ngành lâm nghiệp và kiểm lâm.

b) Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng:

Trong điều kiện biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, nguy cơ cháy rừng gia tăng, yêu cầu về định mức kinh tế - kỹ thuật riêng cho các hoạt động làm đường băng cản lửa, giảm vật liệu cháy rừng, ứng dụng trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng công nghệ cao (Flycam tầm nhiệt, camera cảnh báo cháy thông minh) ngày càng trở nên cấp thiết, làm cơ sở thống nhất cho việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí trên phạm vi cả nước.

c) Cập nhật định mức theo biến động giá nhân công, vật tư, thiết bị và điều kiện địa hình đặc thù:

Nhiều định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành được xây dựng từ nhiều năm trước, không còn phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ hiện nay, đặc biệt đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện địa hình, chi phí nhân công đặc thù. Thực tiễn đặt ra yêu cầu nghiên cứu cơ chế cập nhật định mức linh hoạt, định kỳ theo biến động của thị trường và bổ sung hệ số điều chỉnh phù hợp với từng vùng, miền.

Vì vậy, yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh mới, đồng thời tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại và nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp

a) Về định mức điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, phân định ranh giới rừng:

- Điều chỉnh mức chi phí máy móc, thiết bị điều tra rừng (P9) tại Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT theo hướng tăng tỷ lệ không chế hiện hành (không quá 5% chi phí công lao động) hoặc quy định linh hoạt theo tính chất, quy mô và yêu cầu của từng nhiệm vụ, phù hợp với việc ứng dụng công nghệ mới (GPS, UAV, GIS, ảnh viễn thám).

- Bổ sung các phụ lục định mức nhân công vận hành UAV/flycam, thời gian bay, xử lý ảnh, tích hợp GIS, lưu trữ dữ liệu số tại Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT.

- Bổ sung quy định về chuẩn hóa dữ liệu bản đồ lâm nghiệp, thống nhất hệ tọa độ, chuẩn dữ liệu GIS và cơ chế đối soát, đồng bộ dữ liệu giữa kết quả kiểm kê rừng, kiểm kê đất đai tại Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT, làm cơ sở giải quyết tình trạng chồng lấn, sai khác ranh giới giữa hồ sơ lâm nghiệp và hồ sơ địa chính.

b) Về định mức lâm sinh (Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT):

- Điều chỉnh hệ số điều chỉnh nhóm thực bì phát dọn (Kt) và hệ số điều chỉnh cự ly đi làm theo hướng bổ sung các nhóm cự ly trên 02 km (02-04 km, 04-06 km, trên 06 km) và hệ số tương ứng, phù hợp với điều kiện địa hình miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Điều chỉnh tăng định mức lao động phát luồng dây leo, cây bụi trong khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên cho phù hợp với khối lượng công việc và yêu cầu kỹ thuật thực tế; bổ sung các bước công việc (như phát chăm sóc lần 2) vào Bảng 3 Phụ lục I cho năm thứ 2, thứ 3 để khớp với yêu cầu chăm sóc ít nhất 02 lần/năm.

- Sửa đổi định mức cây trồng dặm năm đầu (tăng từ 10% lên 15%) để thống nhất với quy định về nghiệm thu năm đối với trồng rừng tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT (sửa đổi tại Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT).

- Bổ sung định mức, đơn giá riêng cho công tác phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại rừng; bổ sung định mức cho các hoạt động ứng dụng ảnh viễn thám, UAV, GIS, phần mềm xử lý ảnh và xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu lâm nghiệp số; bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng trên đất ngập phèn; bổ sung phương pháp nội suy đối với các định mức chưa được quy định trong Thông tư khi Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) đã có quy định tương ứng; bổ sung hệ số điều chỉnh định mức lao động tuần tra, bảo vệ rừng đối với khu vực có độ dốc trên 25⁰, bị chia cắt bởi sông suối lớn.

c) Về định mức giao rừng, cho thuê rừng (Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT):

- Rà soát, thống nhất quy định về mức tối đa và thẩm quyền quy định cụ thể của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giữa Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT với Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT, Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP về thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Sửa đổi mở rộng hệ số khó khăn K5 thành nhiều hơn 03 mức như hiện nay, bổ sung hệ số điều chỉnh linh hoạt theo điều kiện địa hình, khoảng cách di chuyển, mức độ khó khăn thực tế của từng vùng và bổ sung quy định áp dụng định mức cho công nghệ số, thiết bị hiện đại, cơ giới hóa.

d) Về định mức sản xuất giống cây lâm nghiệp và thiết kế khai thác rừng (Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN, Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN, Quyết định số 400/LĐ-QĐ):

- Xây dựng định mức mới, theo hướng cập nhật đơn giá nhân công, vật tư, đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ (UAV, GIS, máy định vị GPS, máy đo khoảng cách laser, ảnh vệ tinh);

- Bổ sung định mức vật tư kỹ thuật đối với một số loài cây lâm nghiệp chính chưa được quy định như Sa mộc, Giổi xanh, Vôi thuốc, Mắc ca; bổ sung định mức lao động thu hái, chế biến quả giống, gieo ươm các loài cây ngập mặn; bổ sung định mức cho công nghệ nhân giống hiện đại (nhân giống vô tính, nuôi cấy mô); bổ sung định mức lao động thiết kế khai thác và thẩm định thiết kế khai thác rừng áp dụng cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ).

đ) Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng, như: làm đường băng cản lửa đối với rừng tự nhiên và rừng trồng; giám vật liệu cháy rừng;...

2. Kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành

- Hợp nhất các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm hiện đang quy định tại nhiều thông tư, quyết định riêng lẻ thành 01 văn bản thống nhất, đính kèm các tiêu chuẩn quốc gia có liên quan vào phần phụ lục, nhằm thuận lợi cho công tác tra cứu, áp dụng đồng bộ trên phạm vi cả nước.

- Xây dựng cơ chế cập nhật, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật định kỳ, linh hoạt theo biến động của giá nhân công, vật tư, nhiên liệu và mức độ ứng dụng khoa học công nghệ, bảo đảm tính kịp thời, sát thực tế.

- Tăng cường hướng dẫn, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ lâm nghiệp, kiểm lâm các cấp về phương pháp lập dự toán, áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật, các

nội dung mới liên quan đến ứng dụng UAV, GIS, viễn thám, công nghệ số trong điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm báo cáo tổng kết việc thi hành quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (đề b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Cục trưởng, các Phó Cục trưởng;
- Các đơn vị thuộc Cục;
- Lưu: VT, CSPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Thiện